

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KIM THÀNH
TỈNH HẢI DƯƠNG**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 07/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 27/3/2025

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM THÀNH, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Hà.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hứa Thị Hương và bà Đỗ Thị Ái Thương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Bảy - Thư ký Toà án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Ông Vũ Văn Tiến - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Kim Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 339/2024/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 12 năm 2024 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2025/QĐXX-ST ngày 28 tháng 2 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số: 04/2025/QĐST-HNGĐ ngày 18/3/2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Bùi Thị C, sinh năm 1983. Địa chỉ cư trú: thôn T, xã K, huyện K, tỉnh Hải Dương.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn P, sinh năm 1978. Địa chỉ cư trú: thôn T, xã K, huyện K, tỉnh Hải Dương.

Chị C có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh P vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Bùi Thị C và bị đơn là Nguyễn Văn P trình bày: Chị Bùi Thị C kết hôn với anh Nguyễn Văn P vào ngày 10/9/2003, được đăng ký kết hôn tại UBND xã K, huyện K, tỉnh Hải Dương. Trước khi kết hôn hai bên có được tự do tìm hiểu và tự nguyện đi đến hôn nhân. Sau ngày cưới, vợ chồng chung sống hoà thuận

hạnh phúc được khoảng hơn 2 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Theo chị C khai, nguyên nhân chính dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng là do hai bên không hợp nhau về tính tình. Ngoài ra, do anh P thường xuyên uống rượu và ghen tuông vô lý rồi về nhà chửi bới, đánh đập chị. Chị và gia đình đã nhiều lần khuyên bảo anh P, nhưng anh P không thay đổi. Mặc dù vợ chồng cùng chung sống trong một gia đình, nhưng chị và anh P đã sống ly thân, cắt đứt mọi quan hệ về tình cảm từ năm 2023. Chị đã về nhà bố mẹ đẻ sinh sống từ tháng 9/2024 đến nay, không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Anh P cũng thừa nhận, nguyên nhân chính dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng là do hai bên không hợp nhau, quan điểm thường xuyên không thống nhất trong sinh hoạt cũng như trong làm kinh tế. Trước đây, anh và chị C cùng đi lao động ở Hàn Quốc và đã phát sinh mâu thuẫn nên hai bên đã thống nhất ly hôn. Sau đó anh về nước trước, 2 tháng sau chị C về nhưng không về chung sống cùng nhau mà mỗi người sống ở một nơi. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 9/2024 đến nay, không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Nay chị C thấy thực sự tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được, chị đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn anh P và anh P nhất trí.

Về con chung: Chị C và anh P đều xác định vợ chồng có 03 con chung là Nguyễn Tuấn A, sinh năm 2004, Nguyễn Nhật B, sinh ngày 08/2/2009, Nguyễn Bùi Phương A1, sinh ngày 05/8/2016. Hiện nay cháu Tuấn A đã đến tuổi trưởng thành, cháu Phương A1 đang ở với chị C, cháu Nhật B đang ở với anh P. Nay quan điểm của chị C về con chung là theo nguyện vọng của các cháu, nếu con chung xin ở với chị, chị nhất trí nuôi dưỡng và tự nguyện không yêu cầu anh P phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Quan điểm của anh P là xin được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc 2 con chung là cháu Nhật B và cháu Tuấn A. Anh P tự nguyện không yêu cầu chị C phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị C và anh P không đề nghị Toà án giải quyết về tài sản chung, nợ chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau: đề nghị áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật Phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị C, cho chị Bùi Thị C được ly hôn anh Nguyễn Văn P.

2. Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Nhật B, sinh ngày 08/2/2009 cho anh Nguyễn Văn P được trực tiếp nuôi dưỡng, giao con chung là Nguyễn Bùi Phương A1, sinh ngày 05/8/2016 cho chị Bùi Thị C được trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau.

3. Về án phí: Chị C phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bị đơn là anh Nguyễn Văn P hiện đang cư trú tại xã K, huyện K nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương. Nguyên đơn là chị Bùi Thị C có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn là anh Nguyễn Văn P đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ vào điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: chị Bùi Thị C và anh Nguyễn Văn P kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn, được đăng ký kết hôn tại UBND xã K, huyện K ngày 10/9/2003 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn được một thời gian ngắn, hai bên đã xảy ra nhiều mâu thuẫn mà nguyên nhân chính là do không hợp nhau về tính tình, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng chung sống cùng nhau nhưng không tìm được tiếng nói chung và đã sống ly thân từ tháng 9 năm 2024 đến nay, không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay chị C xin ly hôn thì anh P cũng đồng ý. Như vậy, đã xác định được quan hệ hôn nhân giữa chị P và anh C mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu của chị C, cho chị C được ly hôn anh P là phù hợp với Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: chị C và anh P có 03 con chung là Nguyễn Tuấn A, sinh năm 2004, Nguyễn Nhật B, sinh ngày 08/2/2009, Nguyễn Bùi Phương A1, sinh ngày 05/8/2016. Do cháu Tuấn A đã đủ 18 tuổi nên chị C và anh P không yêu cầu giải quyết. Cháu B đang ở cùng anh P, có nguyện vọng ở với bố, còn cháu Phương A1 đang ở cùng chị C, có nguyện vọng ở với mẹ. Do vậy để đảm bảo sự ổn định về tâm sinh lý, cuộc sống và học tập của các con chung nên cần tiếp tục giao con chung là Nguyễn Bùi Phương A1 cho chị C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giao con chung là Nguyễn Nhật B cho anh P tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi các con chung trưởng thành đủ 18 tuổi là phù hợp

với quy định tại Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Không bên nào phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: chị C và anh P không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí: Chị Bùi Thị C là nguyên đơn khởi kiện xin ly hôn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật Phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị C, cho chị Bùi Thị C được ly hôn anh Nguyễn Văn P.

2. Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Nhật B, sinh ngày 08/2/2009 cho anh Nguyễn Văn P được trực tiếp nuôi dưỡng; giao con chung là Nguyễn Bùi Phương A1, sinh ngày 05/8/2016 cho chị Bùi Thị C được trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi. Hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Bùi Thị C phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn. Đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà chị C đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Thành theo biên lai số 0006537 ngày 26 tháng 12 năm 2024, chị C đã thi hành xong nghĩa vụ về án phí.

4. Quyền kháng cáo: Chị C và anh P được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
 - VKSND huyện Kim Thành;
 - Chi cục THADS huyện Kim Thành;
 - UBND xã Kim Anh, huyện Kim Thành
- (Số ĐK: 25/2003);
- Lưu: Hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Ngọc Hà

